KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	13,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	14.8%	**29.8%**	**22.3%**

DT thuần

2024

658 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 46.0
▼ 6.6%

LN gộp

2024

78.0 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 38.9
▲ 99.7%

LN thuần

2024

34.8 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 44.0
▲ 476%

LN sau thuế

2024

17.1 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 27.3
▲ 267%

ROE

2024

11.9%

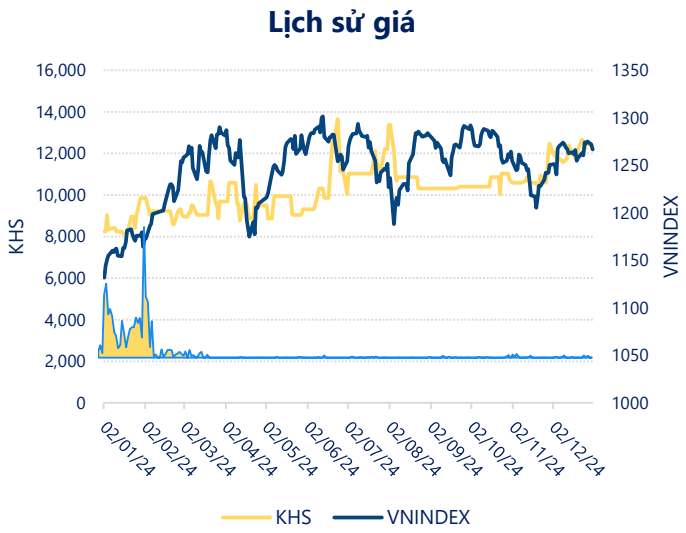
+/- YoY
▲ 11.4%

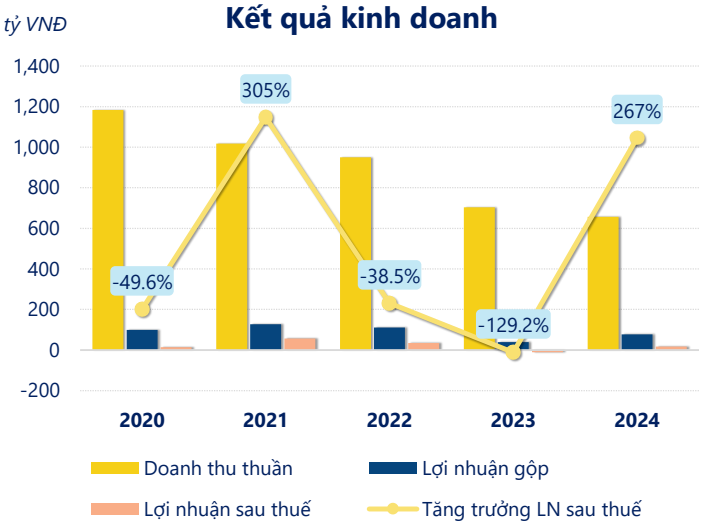
ROA

2024

5.2%

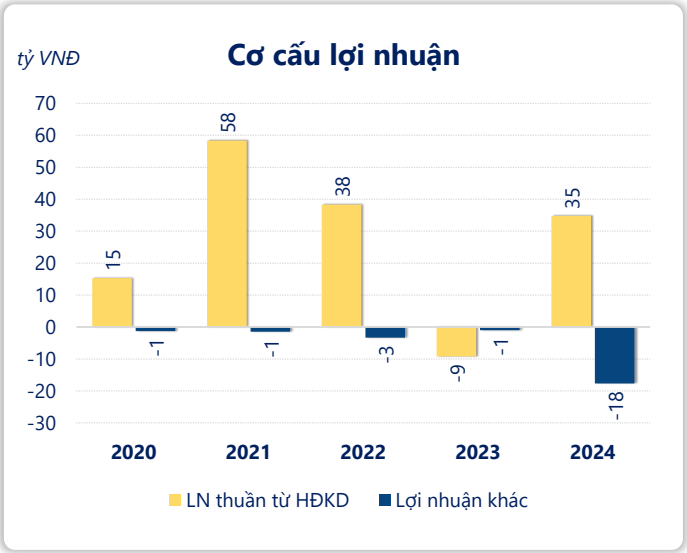
+/- YoY
▲ 5.0%

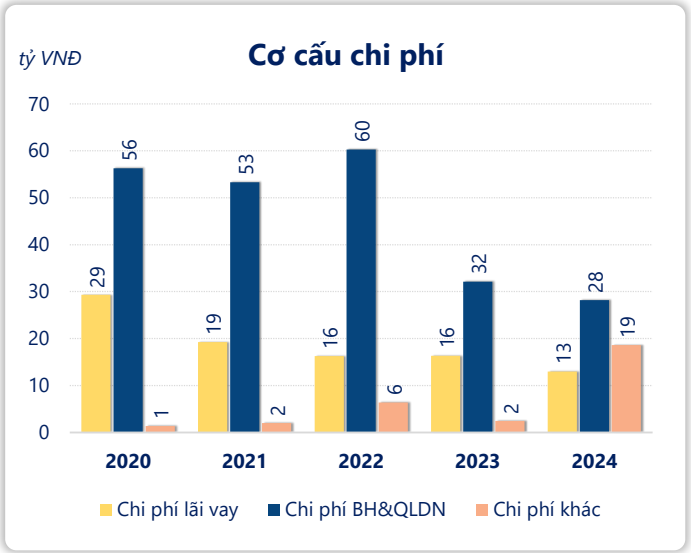




Kết quả kinh doanh **KHS** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **657.5** tỷ đồng **giảm 6.64%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 267%** đạt **17.08** tỷ đồng.

Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với **ROE** đạt **11.9%**. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.

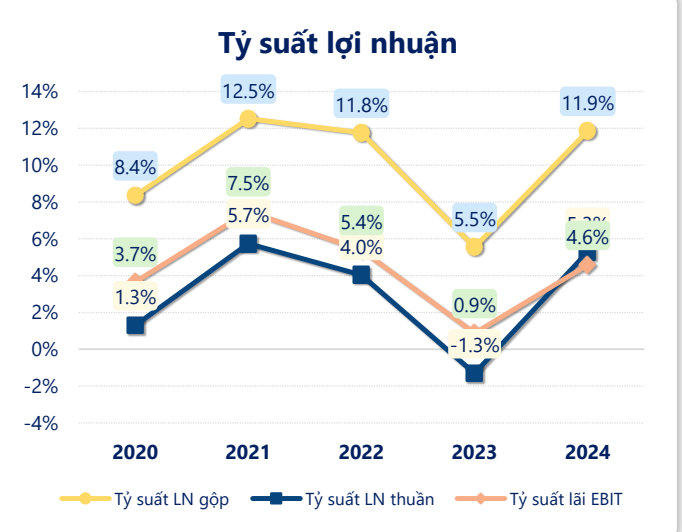


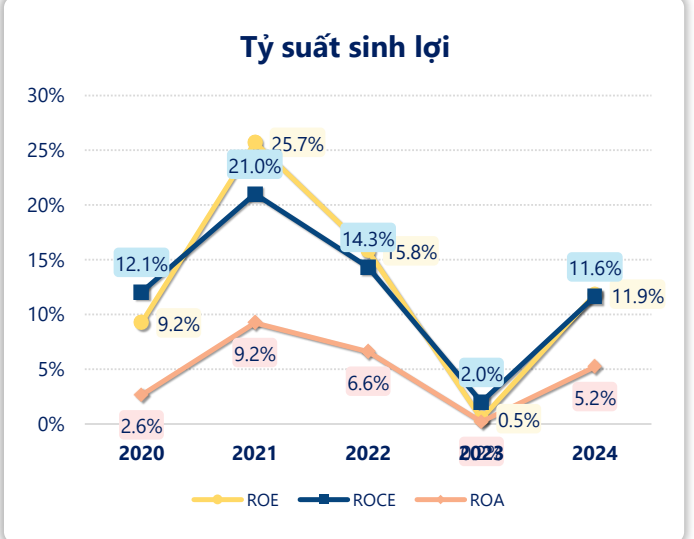


Năm **2024**, **KHS** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **34.76** tỷ đồng, **tăng lên 43.99** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (27.50 tỷ đồng) là 7.26 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

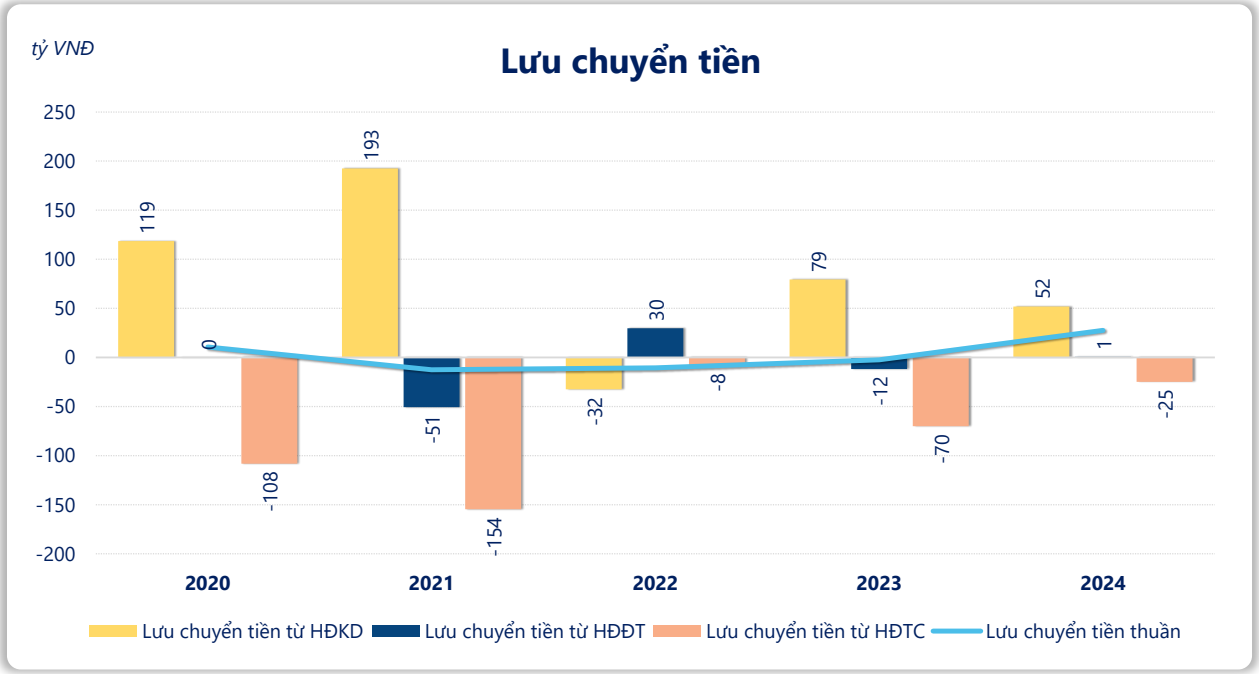
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **12.99** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **28.16** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **18.59** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của KHS năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **11.9%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**1,184**	**1,017**	**951**	**704**	**658**
Giá vốn hàng bán	1,085	890	839	665	580
Lợi nhuận gộp	**98.9**	**127**	**112**	**39.1**	**78.0**
Doanh thu HĐTC	3.58	5.19	6.42	4.63	2.33
Chi phí TC	30.9	20.9	19.6	20.8	17.4
Chi phí lãi vay	**29.3**	**19.3**	**16.3**	**16.4**	**13.0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	29.0	31.3	38.3	14.2	12.2
Chi phí QLDN	27.2	22.0	22.0	17.9	15.9
LN thuần từ HĐKD	**15.3**	**58.3**	**38.3**	**-9.24**	**34.8**
Lợi nhuận khác	-1.28	-1.48	-3.33	-0.97	-17.7
LN trước thuế	**14.0**	**56.9**	**35.0**	**-10.2**	**17.1**
Lợi nhuận sau thuế	**14.0**	**56.9**	**35.0**	**-10.2**	**17.1**
LNST của CĐ cty mẹ	**19.1**	**57.1**	**38.1**	**1.09**	**25.7**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của KHS bằng **27.59** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-2.46 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **51.85** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **0.54** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-24.80** tỷ đồng.